

BÁO CÁO NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN

**Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương
Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030,
tầm nhìn đến năm 2045
(tại Hội nghị triển khai Nghị quyết ngày 21/7/2022)**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Chương trình làm việc toàn khoá của Ban Chấp hành Trung ương, Ban Bí thư đã thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án tổng kết Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Việc tổng kết được triển khai bài bản, công phu, kỹ lưỡng, khoa học. Trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của 28 Ban, Bộ, ngành Trung ương và 63 tỉnh uỷ, thành uỷ; 26 chuyên đề nghiên cứu của các viện nghiên cứu, trường đại học; 41 hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học; kết quả khảo sát thực tế tại các địa phương; Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết 26-NQ/TW đã trình Bộ Chính trị xem xét, cho ý kiến để trình Ban Chấp hành Trung ương thảo luận, ban hành Nghị quyết số 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Toàn văn Nghị quyết 19-NQ/TW đã được gửi tới các đồng chí tham dự Hội nghị. Thực hiện sự phân công của các đồng chí chủ trì Hội nghị, trong khuôn khổ thời gian cho phép, tôi xin giới thiệu những nội dung cơ bản, cốt lõi của Nghị quyết.

Về bố cục, Nghị quyết gồm 05 phần: Tình hình; Quan điểm; Mục tiêu, tầm nhìn; Nhiệm vụ, giải pháp; và Tổ chức thực hiện.

I. VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 26-NQ/TW

1. Nghị quyết số 19-NQ/TW đã nêu bật những thành tựu to lớn của toàn Đảng, toàn dân ta sau gần 15 năm thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW, cụ thể:

- *Nông nghiệp tiếp tục phát triển cả về quy mô và trình độ sản xuất, duy trì tăng trưởng ở mức khá cao, khẳng định vị thế quan trọng, là trụ đỡ của nền kinh tế, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia.*

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, phát huy lợi thế so sánh, sử dụng nguồn lực hiệu quả hơn, nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng tăng trưởng. Nông nghiệp chuyển mạnh theo hướng sản xuất hàng hóa với quy mô, năng suất và chất lượng ngày càng cao; bảo đảm lương thực, thực phẩm cho gần 100 triệu dân và tăng mạnh xuất khẩu. Giai đoạn từ 2008 đến 2020, tốc độ tăng trưởng GDP ngành nông nghiệp đạt 3,01%/năm, quy mô GDP (theo quy mô điều chỉnh, tính giá so sánh) toàn ngành tăng gấp 1,4 lần. Năng suất lao động nông nghiệp đạt 55,9 triệu đồng/người, **gấp hơn 4 lần so với năm 2008**. Quy mô xuất khẩu nông sản **tăng bình quân 8,01%/năm**; năm 2020 đạt 42,34 tỷ đô la Mỹ; **năm 2021 đạt 48,6 tỷ USD**. Nông sản của Việt Nam có mặt ở 196 quốc gia và vùng lãnh thổ.

- Về tổ chức sản xuất nông nghiệp, Nghị quyết đã nêu: *Sản xuất kinh doanh nông nghiệp phát triển mạnh theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng khoa học - công nghệ, nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng, phát huy lợi thế vùng, miền, địa phương, thích ứng với biến đổi khí hậu. Hệ thống tổ chức sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp ngày càng được hoàn thiện; tỉ lệ nông sản qua chế biến tăng dần, thị trường tiêu thụ được mở rộng, xuất khẩu tăng nhanh cả về sản lượng, giá trị và tỉ trọng sản phẩm chất lượng cao.*

Chúng ta có thể thấy rõ, trong nội ngành nông nghiệp, cơ cấu chuyên dịch theo hướng phát huy lợi thế so sánh, gắn với thị trường tiêu thụ và ứng dụng khoa học công nghệ. Một số ngành hàng, sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và thị trường tiêu thụ thuận lợi tăng nhanh cả về diện tích, năng suất, chất lượng và tỷ trọng đóng góp cho tăng trưởng, xuất khẩu. Hoạt động nghiên cứu, chuyên gia và ứng dụng khoa học - công nghệ được triển khai thực hiện hiệu quả hơn. Năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất nhiều loại nông sản được nâng cao, khẳng định được vị thế và khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới như: gạo, cao su, cà phê, điều, hồ tiêu, tôm, cá tra, đồ gỗ, trái cây nhiệt đới.

- *Cơ cấu kinh tế nông thôn chuyên dịch tích cực, tăng tỉ trọng kinh tế công nghiệp và dịch vụ.*

Công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn phát triển nhanh, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập của người dân nông thôn. Số hộ nông thôn hoạt động công nghiệp, xây dựng và dịch vụ năm 2020 chiếm 45% (tăng 10,59% so với năm 2011). Nhiều khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu kinh tế ven biển, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trung tâm thương mại - dịch vụ ở nông thôn, công nghiệp chế biến và bảo quản nông sản được đầu tư và đi vào hoạt động, hằng năm giải quyết việc làm cho gần 1,6 triệu lao động, trong đó gần 70% từ khu vực nông thôn.

Cơ giới hóa trong nông nghiệp ngày càng được áp dụng rộng rãi, số lượng, chủng loại máy, thiết bị tăng nhanh. Công nghiệp chế biến nông sản ngày càng phát triển. *Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP)* đạt được nhiều kết quả tích cực. Dịch vụ ở nông thôn có bước phát triển mới, nhất là dịch vụ thủy lợi, thú y, bảo vệ thực vật, cấp nước sạch, môi trường, thương mại, cung ứng vật tư, tiêu thụ nông sản.

Kinh tế hộ gia đình ở nông thôn tiếp tục phát triển, có xu hướng chuyển dịch sang sản xuất công nghiệp, dịch vụ. Năm 2020, số hộ làm nông nghiệp chiếm 51,6% tổng số hộ nông thôn (năm 2011 chiếm 62,2%).

- Xây dựng nông thôn mới đã trở thành phong trào sâu rộng, với sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị và toàn dân, về đích sớm hơn so với mục tiêu Nghị quyết đề ra; góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Trong hơn 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, đã huy động được nguồn lực lớn đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn với tổng vốn đầu tư giai đoạn 2008 - 2020 là 1.567 nghìn tỷ đồng (cho sản xuất nông nghiệp 611 nghìn tỷ đồng, nông thôn 956 nghìn tỷ đồng); trong 5 năm 2016 - 2020 khoảng 942 nghìn tỷ đồng, tăng gấp 1,9 lần so với 5 năm 2011 - 2015.

Nông thôn đổi mới, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, điều kiện sinh sống của người dân nông thôn được cải thiện. Cơ sở hạ tầng thiết yếu được nâng cấp theo hướng đồng bộ, hiện đại, kết nối với đô thị, phục vụ ngày càng tốt hơn cho sản xuất và đời sống. Nông thôn khang trang, văn minh hơn. Hệ thống chính trị cơ sở được củng cố. Thu nhập và điều kiện sống của cư dân nông thôn được cải thiện và nâng cao. Đến năm 2020, cả nước có 5.157/8.267 xã đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm 62,4%), có 173 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn, hoàn thành nông thôn mới; 04 tỉnh đã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Về nông dân, Nghị quyết đã nêu: Trình độ, học vấn của nông dân nước ta từng bước được nâng cao; tư duy sản xuất kinh doanh nông nghiệp không ngừng đổi mới, dần thích ứng với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nông dân đã phát huy tốt hơn vai trò là chủ thể, tham gia hợp tác, liên kết, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, phát triển kinh tế, khôi phục và phát triển ngành nghề nông thôn, xây dựng nông thôn mới, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Quá trình tổng kết cho thấy, trong 10 năm thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn, cả nước có gần 10 triệu người được học nghề, trong đó có 4,6 triệu người được hỗ trợ đào tạo. Riêng đối với đào tạo nghề nông nghiệp, cả nước đã đào tạo được 2,84 triệu người. Năng lực làm chủ của nông dân, cư dân nông thôn được

nâng lên rõ rệt thông qua các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội ở nông thôn; phát huy dân chủ ở nông thôn với phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*” trong triển khai thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Thu nhập bình quân đầu người tại khu vực nông thôn tăng 4,5 lần (vượt mục tiêu đề ra là 2,5 lần). Tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn giảm bình quân 1 - 1,5%/năm.

Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống ở nông thôn được chú trọng. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” cùng với các phong trào “Uống nước nhớ nguồn”, “Đền ơn đáp nghĩa”, “Xây dựng gia đình văn hóa”... tạo ra cuộc sống tinh thần mang tính cộng đồng cao, duy trì phát huy truyền thống đoàn kết, yêu nước tốt đẹp của nhân dân.

- *Niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ ta ngày càng được củng cố, nâng cao. Năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước được nâng cao, phát huy sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở nông thôn. Công tác xây dựng Đảng ở nông thôn có nhiều đổi mới; tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể cơ sở ở nông thôn ngày càng được củng cố và tăng cường.*

2. Bên cạnh những thành tựu đạt được, Nghị quyết đã chỉ rõ những tồn tại, hạn chế, yếu kém, đó là:

- Nông nghiệp phát triển còn thiếu bền vững, tốc độ tăng trưởng có xu hướng giảm, tổ chức sản xuất kinh doanh chủ yếu vẫn dựa vào nông hộ nhỏ, thiếu liên kết; chất lượng, hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã chưa cao.

Số liệu thực tế cho thấy, tăng trưởng của ngành trong những năm gần đây có xu hướng giảm¹ (bình quân giai đoạn 2008 - 2020 đạt 3,01%/năm), chưa đạt mục tiêu của Nghị quyết đề ra (3,5 - 4,0%/năm). Năm 2020, năng suất lao động nông nghiệp năm 2020 đạt 52,27 triệu đồng/người, chỉ bằng 44,52% năng suất lao động toàn xã hội. Năng suất lao động nông nghiệp của Việt Nam bằng 40% của Thái Lan, 30% của Trung Quốc.

Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào sử dụng nhiều tài nguyên, lao động, vật tư đầu vào; một số ngành còn phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu; sản xuất còn nhỏ lẻ, manh mún; tích tụ, tập trung ruộng đất cho phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn chưa đạt yêu cầu. Tính bền vững chưa cao, cơ giới hóa nông nghiệp, công nghiệp chế biến phát triển chậm, hiệu quả sản xuất và giá trị gia tăng còn thấp, phụ

¹ Tốc độ tăng GDP toàn ngành nông nghiệp giai đoạn 1995 - 2000 đạt 4%/năm, giảm xuống còn 3,8%/năm 2001 - 2005; 3,4%/năm giai đoạn 2006 - 2010; 3,13%/năm giai đoạn 2011 - 2015; 2,62% giai đoạn 2016 - 2020 và 2,9% năm 2021

thuộc nhiều vào diễn biến thị trường, nhất là một số thị trường nhập khẩu lớn. Công tác dự báo, thông tin về thị trường sản xuất, tiêu thụ nông sản còn hạn chế.

Quan hệ sản xuất chậm đổi mới. Kinh tế hộ quy mô nhỏ vẫn là chủ yếu²; kinh tế trang trại, hợp tác xã phát triển chậm³; doanh nghiệp nông nghiệp phần lớn quy mô nhỏ, chưa phát huy được vai trò chủ đạo trong các chuỗi giá trị sản xuất.

- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực còn hạn chế, chưa trở thành động lực chính để tạo đột phá phát triển; nhiều loại giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu.

Lao động nông thôn trình độ còn thấp, đang có xu hướng già hóa (nhóm tuổi từ 50 trở lên gia tăng từ 10,4% năm 2006 lên 15,2% năm 2011 và 26,9% năm 2020). Chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tuy có cải thiện, nhưng hiệu quả chưa cao. Năm 2020, tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo (tính cả không có bằng, chứng chỉ) đạt 44,5%, thấp hơn mục tiêu Nghị quyết đề ra là trên 50%.

- Thu hút đầu tư cho phát triển nông nghiệp, dịch vụ ở nông thôn gặp nhiều khó khăn. Công nghiệp cơ khí phục vụ nông nghiệp, chế biến nông sản chưa đáp ứng được yêu cầu; cơ giới hóa nông nghiệp chưa đồng bộ. Công tác dự báo, thông tin về thị trường sản xuất, tiêu thụ nông sản còn hạn chế.

Đầu tư từ ngân sách Nhà nước còn hạn chế, thấp hơn so với yêu cầu, chưa đạt mục tiêu của Nghị quyết, 5 năm sau chỉ tăng 1,9 lần so với 5 năm trước (yêu cầu của Nghị quyết là tối thiểu tăng gấp 2 lần). Huy động từ các nguồn khác còn thấp, đầu tư xã hội cho nông nghiệp chỉ chiếm 5,84% tổng đầu tư của xã hội cho nền kinh tế và có xu hướng giảm. Cơ giới hóa chưa đồng bộ, công nghiệp cơ khí, công nghiệp chế biến nông sản phát triển chậm⁴, nhất là ở khâu bảo quản và chế biến sâu (năm 2020, tỷ lệ chế biến sâu chỉ đạt khoảng 40%). Tồn thất sau thu hoạch còn cao⁵, tỷ lệ hao hụt sau thu hoạch của lúa gạo từ 10 - 12%⁶.

- Đào tạo nghề, giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn còn nhiều bất cập; lao động nông thôn có xu hướng già hoá; năng suất lao động và thu nhập bình quân của cư dân nông thôn còn thấp, tỉ lệ hộ nghèo còn cao, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực tế cho thấy, năng suất lao động nông nghiệp mặc dù đã được cải thiện, nhưng vẫn thấp hơn so với

² Trong tổng số hộ sử dụng đất NN thì số hộ sử dụng dưới 0,2ha chiếm 36,1%, từ 5,0 ha trở lên chỉ 2,3%.

³ Đến hết năm 2020, có 14.740/17.300 HTX nông nghiệp hoạt động hiệu quả; số này chưa đạt mục tiêu Quốc hội giao đến năm 2020 có 15.000 HTX, liên hiệp HTX NN hoạt động hiệu quả.

⁴ Sản phẩm chế biến là sơ chế có giá trị gia tăng thấp chiếm 70 - 85%; sản phẩm chế biến có giá trị gia tăng cao chiếm khoảng 15 - 30%.

⁵ Khoảng 10 - 20% do thiếu cơ sở vật chất bảo quản đủ chất lượng.

⁶ Trung bình của các nước khoảng 6 - 8%.

khu vực công nghiệp và dịch vụ. Công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn chậm phát triển, chưa tạo được nhiều việc làm; cơ cấu lại lao động nông thôn còn gặp nhiều bất cập; tình trạng Ly nông – Ly hương diễn ra ở nhiều nơi. Chênh lệch thu nhập nông thôn và thành thị, giữa các vùng còn cao. Năm 2020, thu nhập bình quân/người/tháng ở nông thôn đạt 3,48 triệu đồng bằng 62,84% thu nhập ở khu vực thành thị (5,54 triệu đồng).

- Xây dựng nông thôn mới chưa đồng đều, nhiều nơi chưa chú trọng đúng mức đến phát triển sản xuất, tạo sinh kế, xây dựng đời sống văn hoá; kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

Thực tế tại nhiều địa phương là hạ tầng kinh tế - xã hội (giao thông, thủy lợi, điện...) còn thiếu đồng bộ; hạ tầng thương mại chậm phát triển, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn, thích ứng biến đổi khí hậu. Cơ sở vật chất, kỹ thuật và chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục và văn hóa ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn còn thiếu và yếu.

Văn hóa truyền thống có lúc, có nơi bị mai một, pha tạp, làm xói mòn những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Tệ nạn xã hội nhiều nơi gia tăng, trật tự an toàn tiềm ẩn nguy cơ bất ổn, phát sinh nhiều vấn đề bức xúc. Chất lượng y tế, giáo dục ở nông thôn còn nhiều hạn chế, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo...

Quản lý và khai thác tài nguyên chưa hiệu quả, thiếu bền vững. Nguồn lực đất đai chưa được phát huy, sử dụng còn lãng phí, kém hiệu quả, chất lượng đất nông nghiệp bị suy giảm; quản lý, sử dụng đất của các công ty nông, lâm nghiệp kém hiệu quả. Chất lượng nguồn nước suy giảm. Ô nhiễm môi trường làng nghề, điểm công nghiệp, cơ sở sản xuất chế biến, cơ sở chăn nuôi... chậm khắc phục.

3. Nghị quyết cũng đã chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém:

Nhận thức về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn chưa thật đầy đủ, đúng mức, nên có lúc, có nơi cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền còn thiếu chủ động, trông chờ, ỷ lại, chưa sâu sát, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết. Sự phối hợp giữa các bộ, ngành, cơ quan liên quan thiếu chặt chẽ; tổ chức bộ máy quản lý nhà nước, hệ thống dịch vụ công chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Một số cơ chế, chính sách chậm ban hành, chưa sát thực tiễn, thiếu nguồn lực thực hiện, chậm sửa đổi, bổ sung, nhất là về đất đai, đầu tư, tín dụng, bảo hiểm, tổ chức sản xuất. Đầu tư từ ngân sách nhà nước chưa đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra; hiệu quả thu hút, sử dụng vốn đầu tư xã hội cho phát triển nông nghiệp, nông thôn chưa cao.

II. QUAN ĐIỂM

Nghị quyết 19 đã đề ra 5 quan điểm phát triển theo hướng ***nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh***, cụ thể:

Một là, Nghị quyết tiếp tục khẳng định vai trò, vị trí, mối quan hệ gắn bó của nông nghiệp, nông dân, nông thôn: Nông nghiệp, nông dân, nông thôn là ba thành tố có quan hệ mật thiết, gắn bó, không thể tách rời; có vai trò, vị trí rất quan trọng trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; là cơ sở, lực lượng to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

- ***Hai là, Nghị quyết xác định rõ vai trò, vị trí quan trọng của nông dân - là người quyết định thành công của sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn:*** Nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Gắn xây dựng giai cấp nông dân với phát triển nông nghiệp và quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá nông thôn. Nâng cao toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn. Chú trọng xây dựng nông dân Việt Nam phát triển toàn diện, văn minh, yêu nước, đoàn kết, tự chủ, tự lực, tự cường, đổi mới sáng tạo, có ý chí, khát vọng xây dựng quê hương, đất nước phồn vinh, hạnh phúc; có trình độ, học vấn và năng lực tổ chức sản xuất tiên tiến, nếp sống văn minh, trách nhiệm xã hội, tôn trọng pháp luật, bảo vệ môi trường; được thụ hưởng những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, từng bước tiếp cận các dịch vụ của đô thị.

- ***Ba là, Nghị quyết nêu rõ lợi thế và vai trò đặc biệt quan trọng và định hướng phát triển của nông nghiệp, cụ thể:*** Nông nghiệp là lợi thế quốc gia, trụ đỡ của nền kinh tế. Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, tích hợp đa giá trị theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh, gắn với đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch và phát triển thị trường nông sản cả ở trong nước và ngoài nước; bảo đảm an toàn thực phẩm, an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn. Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường. Phát huy lợi thế vùng, miền, địa phương, tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- ***Bốn là, Nghị quyết đã định hướng xây dựng “nông thôn hiện đại” trong giai đoạn tới, cụ thể:*** Xây dựng nông thôn hiện đại, phồn vinh, hạnh phúc, dân chủ, văn minh; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ; môi trường xanh, sạch, đẹp; đời sống văn hoá lành mạnh, phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Phát triển nông nghiệp, nông thôn phải gắn với

không gian di sản văn hoá vật thể, phi vật thể; bảo vệ các giá trị của nền văn minh lúa nước, bản sắc văn hoá dân tộc cao đẹp.

Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội nông thôn cần chú trọng phát triển hài hoà, đồng bộ cả nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, gắn với cơ cấu lại lao động, tạo sinh kế, việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho nông dân và cư dân nông thôn, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên đất, tài nguyên nước, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển bền vững các hệ sinh thái. Chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm cho sản xuất nông nghiệp và an toàn cho nhân dân.

- **Năm là, Nghị quyết cũng đã xác định rõ trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn dân:** Phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn là trách nhiệm, nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng; đề cao vai trò, trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

III. MỤC TIÊU, TẦM NHÌN

1. Về mục tiêu tổng quát, căn cứ vào các mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 theo Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết đã xác định mục tiêu tổng quát là: *Nông dân và cư dân nông thôn có trình độ, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao, làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia, quy mô sản xuất hàng hoá nông sản ngày càng lớn, bảo đảm môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu. Nông thôn phát triển toàn diện, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; tổ chức đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.*

2. Tầm nhìn đến năm 2045: Nông dân và cư dân nông thôn văn minh, phát triển toàn diện, có thu nhập cao. Nông nghiệp sinh thái, sản xuất hàng hoá quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao, gắn kết chặt chẽ với thị trường trong và ngoài nước, công nghiệp chế biến và bảo quản nông sản hiện đại, xuất khẩu nhiều loại nông sản đứng hàng đầu thế giới. Nông thôn hiện đại, có điều kiện sống tiệm cận với đô thị, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Trên cơ sở tổng kết gần 15 năm thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW và những bài học rút ra từ quá trình tổ chức thực hiện, trước bối cảnh mới, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số; để thực hiện các mục tiêu đã đề ra, Nghị quyết số 19-NQ/TW đã đề ra 9 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, cụ thể như sau:

1. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn. Đây là điểm mới của Nghị quyết, nhấn mạnh vai trò chủ thể của nông dân và là nhóm giải pháp quan trọng hàng đầu, có tính quyết định đến sự thành công trong tổ chức thực hiện Nghị quyết. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số, Nghị quyết đề ra các yêu cầu cao hơn trong việc nâng cao trình độ, nhận thức và bảo đảm quyền làm chủ của nông dân; phát huy vai trò của các tổ chức liên quan với các nội hàm chủ yếu như sau:

- Chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, góp phần nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ, học vấn cho nông dân và cư dân nông thôn để đổi mới, sáng tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản, làm giàu từ nông nghiệp, nông thôn. Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang làm việc ở khu vực công nghiệp, dịch vụ.

- Bảo đảm quyền làm chủ của nông dân và cư dân nông thôn theo phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Phát huy tinh thần đoàn kết, tình làng, nghĩa xóm, tương thân, tương ái; đẩy mạnh phong trào nông dân khởi nghiệp, thi đua sản xuất kinh doanh, cùng nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới. Xây dựng gia đình hạnh phúc, cộng đồng dân cư vững mạnh, tham gia quản lý xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá, thể thao cho nông dân và cư dân nông thôn. Thực hiện tốt chính sách dân số và phát triển; bảo đảm bình đẳng trong tiếp cận cơ hội phát triển, dịch vụ cơ bản nông thôn. Thực hiện tốt chính sách bình đẳng giới, phòng, chống xâm hại phụ nữ và trẻ em, nâng cao năng lực, vị thế của phụ nữ ở nông thôn. Thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm, khuyến khích, nâng nhanh tỉ lệ nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế. Triển khai hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp thứ hai, về phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng. Nghị quyết đặt ra yêu cầu phải đẩy mạnh cơ

cấu lại nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sinh thái theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; phát triển mạnh công nghiệp sản xuất giống, vật tư nông nghiệp và cũng đưa ra một số nhiệm vụ cụ thể cho các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, diêm nghiệp, trong đó:

- Cơ cấu lại nông nghiệp thực chất, hiệu quả, khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới, tiềm năng, lợi thế của từng vùng, miền, địa phương. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai; phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, chuyên canh hàng hoá tập trung, quy mô lớn, bảo đảm an toàn thực phẩm dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, chuyên đổi số, cơ giới hoá, tự động hoá; gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản. Khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), giảm phát thải khí nhà kính...

- Phát triển mạnh công nghiệp sản xuất giống cây trồng và vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, chống chịu được dịch bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo tồn và phát triển giống bản địa có giá trị cao; có cơ chế phù hợp để thúc đẩy các viện, trường, doanh nghiệp nghiên cứu, chọn, tạo giống; nâng cao năng lực tự chủ trong sản xuất thức ăn chăn nuôi; đẩy mạnh nghiên cứu, làm chủ công nghệ sản xuất vắc-xin, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, thiết bị, vật tư nông nghiệp. Thúc đẩy liên kết, hợp tác theo chuỗi giá trị, nâng cao giá trị gia tăng. Phát triển đồng bộ, hiệu quả hệ thống kỹ thuật chuyên ngành thú y, bảo vệ và kiểm dịch thực vật, động vật, quản lý an toàn thực phẩm.

Đôi với từng lĩnh vực cụ thể:

- *Về trồng trọt*, chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, quy mô lớn. Đổi mới chính sách quản lý và sử dụng đất trồng lúa theo hướng linh hoạt, hiệu quả; bảo vệ nghiêm ngặt quỹ đất chuyên lúa, hằng năm sản xuất ít nhất 35 triệu tấn lúa để bảo đảm an ninh lương thực quốc gia.

- *Về chăn nuôi*, phát triển chăn nuôi công nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hỗ trợ chăn nuôi trang trại, gia trại thân thiện với môi trường. Kiên quyết di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu dân cư tập trung. Phát triển các giống đặc sản, chăn nuôi hữu cơ tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao, lợi thế cạnh tranh. Bố trí quỹ đất phù hợp cho phát triển chăn nuôi, nhất là ở các địa phương chuyên trồng lúa.

- *Về thủy sản*, phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển và đất liền theo hướng công nghiệp, sinh thái; tăng cường kiểm soát dịch bệnh, dư lượng kháng sinh. Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ, phát triển và khai thác nguồn lợi thủy sản bền vững, phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế; nâng cao hiệu quả khai thác

hải sản xa bờ gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia; đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và dịch vụ nghề cá.

- *Về lâm nghiệp*, tăng cường quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phục hồi rừng tự nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái. Phát động phong trào trồng rừng theo quy hoạch và kế hoạch hằng năm. Phát triển kinh tế rừng, có cơ chế đặc thù để bảo đảm vừa làm tốt công tác bảo vệ, phát triển rừng, vừa tạo sinh kế, nâng cao thu nhập, đời sống của người dân sống ở khu vực có rừng. Bảo vệ nghiêm ngặt rừng đặc dụng và rừng phòng hộ, chú trọng phát triển rừng ven biển. Phát triển công nghiệp chế biến gỗ và sản phẩm gỗ cao cấp để Việt Nam trở thành trung tâm chế biến, xuất khẩu đồ gỗ của thế giới.

- *Về diêm nghiệp*, đầu tư nâng cấp hạ tầng, công nghệ, phát triển sản xuất, chế biến, đa dạng hoá sản phẩm muối; có chính sách phù hợp bảo đảm sinh kế, nâng cao thu nhập cho diêm dân.

3. Nhóm thứ ba, phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn, Nghị quyết đặt ra 3 nhiệm vụ, giải pháp lớn, đó là:

- Xây dựng và tổ chức triển khai hiệu quả các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ. Phát triển toàn diện, đồng bộ kinh tế nông thôn với cơ cấu nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ hợp lý, dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Phát triển mạnh công nghiệp ở nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp sản xuất thiết bị, máy móc, vật tư phục vụ nông nghiệp. Đầu tư phát triển các cụm công nghiệp, làng nghề phù hợp với quy hoạch và điều kiện cụ thể tại địa phương.

- Bảo tồn, phát triển các ngành nghề, làng nghề, dịch vụ nông thôn, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái. Xây dựng hạ tầng thương mại nông thôn đa dạng, đồng bộ, kết hợp hài hoà giữa thương mại truyền thống với thương mại hiện đại, phù hợp với từng địa bàn; nâng cấp hệ thống chợ truyền thống đáp ứng nhu cầu của người dân.

4. Nhóm thứ tư, về xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hoá, Nghị quyết đặt ra nhiệm vụ, giải pháp xây dựng nông thôn mới với các yêu cầu cao hơn:

- Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hoá, bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, vì lợi ích của người dân. Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và xây dựng nông thôn mới cấp thôn, bản.

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, phát triển bền vững kinh tế - xã hội khu vực biên giới, biển, đảo, vùng khó khăn...

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, hiện đại, kết nối với đô thị, nhất là các khu vực ven đô thị lớn, thị trấn, thị tứ, từng bước tiệm cận về điều kiện hạ tầng, dịch vụ của đô thị; đẩy nhanh quá trình hiện đại hoá kết cấu hạ tầng giao thông, chuyên đổi số, văn hoá, giáo dục, y tế; cung cấp nước sạch theo quy chuẩn. Khắc phục, quyết liệt xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường.

- Tăng đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, ưu tiên các vùng khó khăn, miền núi, biên giới, hải đảo, phân đầu không để chênh lệch lớn giữa các vùng. Nâng cao hiệu quả đầu tư, tích hợp một số chương trình đầu tư đang triển khai trên địa bàn nông thôn vào Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

5. Nhóm thứ năm, về hoàn thiện thể chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Nghị quyết đưa ra các nhiệm vụ giải, pháp trọng tâm đối với hoàn thiện chính sách, pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; phát triển thị trường tài chính, tín dụng vi mô, các sản phẩm dịch vụ tài chính mới với các nội hàm chủ yếu sau:

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật đất đai bảo đảm quản lý, sử dụng bền vững, hiệu quả đất nông nghiệp, thúc đẩy tích tụ, tập trung, sử dụng linh hoạt, hiệu quả đất lúa. Tăng đầu tư ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 cho nông nghiệp, nông thôn ít nhất gấp 2 lần giai đoạn 2011 - 2020. Có cơ chế điều tiết, phân bổ ngân sách bảo đảm hài hoà lợi ích giữa các địa phương có diện tích đất trồng lúa, đất rừng lớn với các địa phương khác; hỗ trợ nâng cao đời sống của người trồng lúa, trồng rừng.

- Phát triển thị trường tài chính, tín dụng vi mô, các sản phẩm dịch vụ tài chính mới, củng cố và mở rộng hệ thống quỹ tín dụng nhân dân, bảo đảm an toàn, hiệu quả. Khắc phục hoàn thiện chính sách để mở rộng quy mô, đối tượng tham gia bảo hiểm nông nghiệp, góp phần giảm thiểu rủi ro cho nông dân. Tiếp tục dành nguồn vốn tín dụng ưu đãi, khuyến khích các tổ chức tín dụng cho vay đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn; hỗ trợ tín dụng cho hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ nông thôn phát triển sản xuất kinh doanh; nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng.

- Tiếp tục sắp xếp, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, công ty nông, lâm nghiệp. Hoàn thiện chính sách phát triển trang trại, kinh tế hộ, kinh tế tập thể, liên kết, hợp tác sản xuất kinh doanh; tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, hình thành các hiệp hội, liên hiệp hợp tác xã.

6. Nhóm thứ sáu, về tạo đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo nhân lực phục vụ yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn trong thời gian sắp tới. Nghị quyết đưa ra nhiều nội dung mới, trong đó yêu cầu tạo đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực để thực sự trở thành động lực phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn và đề ra 4 nhiệm vụ, giải pháp lớn sau:

- Đổi mới tổ chức và hoạt động, nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thân thiện với môi trường; đẩy nhanh chuyển đổi số toàn diện ngành nông nghiệp, xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu lớn.

- Tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của các tổ chức nghiên cứu và chuyển giao khoa học - công nghệ công lập, kết hợp đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, thực hiện khoán, đặt hàng sản phẩm khoa học - công nghệ, tạo đột phá về giống cây trồng, vật nuôi.

- Hỗ trợ thành lập các vườn ươm công nghệ, trung tâm khởi nghiệp, quỹ đầu tư đổi mới sáng tạo, các doanh nghiệp khởi nghiệp trong nông nghiệp, nông thôn. Thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa các viện, trường, doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân. Khuyến khích doanh nghiệp và người dân ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong sản xuất kinh doanh và kết nối cung - cầu; đẩy mạnh thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát an toàn thực phẩm.

- Tạo đột phá trong phát triển nhân lực, đào tạo, nâng cao kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, tận dụng hiệu quả cơ hội Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Đổi mới toàn diện hình thức tổ chức và nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, nhất là lao động trẻ, đáp ứng nhu cầu thị trường.

7. Nhóm thứ bảy, về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, Nghị quyết đặt ra 3 yêu cầu cần thực hiện:

- Quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, chuyển mạnh sang mô hình tăng trưởng xanh. Quy hoạch sử dụng đất nông thôn gắn kết với phát triển đô thị, khai thác và phát huy nguồn lực đất đai trong xây dựng, phát triển bền vững kinh tế nông thôn. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phòng, chống phá rừng, suy giảm chất lượng rừng; nâng cao chất lượng và trữ lượng rừng; kiên quyết xử lý nghiêm các vi phạm.

- Bảo đảm an ninh, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, bền vững nguồn nước. Khuyến khích phát triển nông nghiệp tuần hoàn, tái sử dụng phụ phẩm, áp dụng công nghệ mới, tiên tiến, thân thiện môi trường.

- Cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng tới từng vùng, địa phương; hướng dẫn người dân và doanh nghiệp chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng chính sách, lộ trình thực hiện giảm phát thải khí nhà kính, khí metal trong nông nghiệp phù hợp với cam kết quốc tế.

8. Nhóm thứ tám, về chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực và đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ. Đây là nhóm nhiệm vụ, giải pháp mới được bổ sung thêm so với Nghị quyết 26, trong đó đặt ra các yêu cầu lớn đối với phát triển thị trường; huy động, sử dụng vốn, khoa học - công nghệ và hợp tác quốc tế. Chú trọng phát triển thị trường nông sản trong nước, chủ động khai thác hiệu quả cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA), giữ ổn định các thị trường truyền thống, mở rộng và đa dạng hoá thị trường xuất khẩu, tránh phụ thuộc vào một số ít thị trường. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, nguồn tài trợ của các nước, các tổ chức và cá nhân nước ngoài. Mở rộng hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến, nhất là công nghệ chế biến, bảo quản, công nghệ giống, công nghệ môi trường, tái sử dụng phụ phẩm. Tăng cường hợp tác quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước, phòng, chống dịch bệnh, ô nhiễm môi trường xuyên biên giới.

9. Nhóm thứ chín, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp ở nông thôn. Nghị quyết đặt ra yêu cầu đối với cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cấp uỷ, chính quyền, trong lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Phát huy quyền làm chủ của người dân ở cơ sở, tạo điều kiện để người dân tích cực tham gia các hoạt động giám sát, phản biện xã hội, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

V. VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Để các chủ trương, định hướng lớn của Đảng về “nông nghiệp, nông dân, nông thôn” sớm đi vào cuộc sống, Nghị quyết số 19-NQ/TW đã xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan Trung ương, địa phương và các tổ chức chính trị - xã hội trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Ban Kinh tế Trung ương đã xây dựng Dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 19-NQ trình Bộ Chính trị xem xét, ban hành để giao nhiệm vụ cho các tổ chức Đảng và cả hệ thống chính trị. Việc Bộ Chính trị có Kế hoạch triển khai Nghị

quyết thể hiện quyết tâm chính trị cao của Đảng ta về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, khắc phục yếu kém trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đảng.

Với thành công to lớn và kinh nghiệm, bài học quý báu rút ra sau gần 15 năm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW, Nghị quyết 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XIII đã đề ra hệ thống quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đồng bộ, khoa học, có tính khả thi cao, cùng với sự vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị, sự đồng lòng của toàn xã hội, chắc chắn nông nghiệp, nông dân, nông thôn nước ta sẽ tiếp tục phát huy được những thành tựu lịch sử vừa qua và có bước phát triển đột phá, đáp ứng yêu cầu đến năm 2045 đưa nước ta trở thành nước phát triển, mọi người dân, kể cả nông dân và cư dân nông thôn đều có mức thu nhập cao./.